

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG NHÂN LỰC QUỐC TẾ VÀ THƯƠNG MẠI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Hà Nội - Tháng 3 năm 2023

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	6 - 7
Bảng Cân đối kế toán	8
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	10 - 27
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước, đơn vị trực thuộc Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Theo Quyết định số 808/QĐ-LĐTBXH ngày 29 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Công ty được chuyển đổi thành Công ty TNHH Một thành viên Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại. Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH Một thành viên theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100110415 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 29 tháng 11 năm 2010. Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100110415, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 10 tháng 11 năm 2020.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 ngày 10 tháng 11 năm 2020 là 97.299.300.000 đồng (*Bằng chữ: Chín mươi bảy tỷ, hai trăm chín mươi chín triệu, ba trăm ngàn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đã bị hủy giao dịch trên sàn UpCOM với mã SON.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: International Manpower Supply And Trade Joint Stok Company.

Tên giao dịch viết tắt: SONA., JSC.

Trụ sở chính Công ty đặt tại: Số 34 Đại Cồ Việt, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại: Số 2/43 đường Phan Thúc Duyệt, phường 4, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

Trung tâm Dạy nghề và Đào tạo Lao động SONA tại: thôn Do Hạ, xã Tiên Phong, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị:

Ông Nguyễn Đức Nam	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga	Thành viên
Ông Đinh Tất Lợi	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Huy	Thành viên

Ban Kiểm soát:

Ông Nguyễn Xuân Việt Anh	Trưởng ban
Bà Lê Thị Hà	Thành viên
Bà Phùng Hiền Ninh	Thành viên

Ban Giám đốc:

Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga	Tổng Giám đốc
Ông Đinh Tất Lợi	Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Lãnh đạo, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA-VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình Lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Lãnh đạo được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Lãnh đạo xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Lãnh đạo,


Nguyễn Đức Nam
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2023

Số: 115/2023/BCKT-CPA VIETNAM-NVI

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương Mại

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương Mại, được lập ngày 27 tháng 3 năm 2023, từ trang 06 đến trang 27, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty chưa phản ánh chi phí lãi vay lũy kế đến thời điểm 31/12/2022 đối với các khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Chi nhánh Hà Thành, Chi nhánh Bách Khoa và Chi nhánh Tràng An (Thuyết minh số 5.14 Vay ngắn hạn) với số tiền là 31.801.225.285 đồng.

Công ty chưa phân bổ chi phí trả trước lũy kế đến thời điểm 31/12/2022 để xác định kết quả kinh doanh với số tiền là 6,17 tỷ đồng, giá trị cần phân bổ trong năm 2022 là 3,085 tỷ đồng, theo đó, bất cứ sự điều chỉnh nào (nếu có) cũng làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

Công ty chưa thực hiện các thủ tục đánh giá khả năng thu hồi của các khoản công nợ quá hạn làm cơ sở trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi. Theo ước tính của Kiểm toán viên, giá trị cần trích lập bổ sung là 17,28 tỷ đồng. Theo đó, bất cứ sự điều chỉnh nào (nếu có) cũng làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

Ý kiến của Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Như đã trình bày tại thuyết minh (7.1) Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, ngày 06/4/2022, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội thông báo số 1299/TB-SGDHN về việc Cổ phiếu SON của Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực Quốc tế và thương mại rơi vào diện hủy đăng ký giao dịch (ĐKGD) trên hệ thống giao dịch Upcom từ ngày 12 tháng 4 năm 2022. Theo quy định tại khoản 8 Điều 310 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của chính phủ.



Phan Thanh Nam
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2023/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2023 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT
Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2023

Vũ Anh Tuấn
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3011-2022-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150)	100		53.232.318.071	56.298.653.553
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	5.534.660.278	1.848.697.663
1. Tiền	111		5.534.660.278	1.848.697.663
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	14.000.000.000	20.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		14.000.000.000	20.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		26.764.138.041	27.400.112.215
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	12.963.854.779	12.243.061.408
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	7.491.681.438	8.153.696.907
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	6.308.601.824	7.003.353.900
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.933.519.752	7.049.843.675
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	6.175.918.719	6.175.918.719
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		757.601.033	873.924.956
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+260)	200		71.356.593.451	72.330.656.199
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.010.000.000	1.000.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	2.010.000.000	1.000.000.000
II. Tài sản cố định	220		62.120.286.451	64.542.857.240
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	54.493.942.218	56.733.581.455
- Nguyên giá	222		93.050.438.744	93.700.055.007
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(38.556.496.526)	(36.966.473.552)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	7.626.344.233	7.809.275.785
- Nguyên giá	228		9.146.577.712	9.146.577.712
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.520.233.479)	(1.337.301.927)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		5.787.494.553	5.787.494.553
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	5.787.494.553	5.787.494.553
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.438.812.447	1.000.304.406
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	1.438.812.447	1.000.304.406
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		124.588.911.522	128.629.309.752

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

	MS	TM	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		46.531.109.018	50.643.936.378
I. Nợ ngắn hạn	310		32.132.857.123	28.722.736.323
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	2.372.797.924	2.366.278.924
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		25.850.000	5.410.971
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.11	424.571.570	220.523.348
4. Phải trả người lao động	314		403.726.300	-
4. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.12	4.005.294.000	238.870.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.13	941.702.639	1.932.738.390
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.14	23.958.914.690	23.958.914.690
II. Nợ dài hạn	330		14.398.251.895	21.921.200.055
1. Phải trả dài hạn khác	337	5.13	14.398.251.895	21.921.200.055
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400	5.15	78.057.802.504	77.985.373.374
I- Vốn chủ sở hữu	410		78.057.802.504	77.985.373.374
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		97.299.300.000	97.299.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		97.299.300.000	97.299.300.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.245	1.245
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(19.241.498.741)	(19.313.927.871)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(19.313.927.871)	(17.524.830.370)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		72.429.130	(1.789.097.501)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		124.588.911.522	128.629.309.752

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2023

Người lập

Trưởng phòng Kế toán

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ma

Loan



Đức Nam

Đỗ Thị Phương Mai

Vương Thị Tố Loan

Nguyễn Đức Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	24.012.259.224	14.968.292.640
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		24.012.259.224	14.968.292.640
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	13.233.397.194	9.995.169.185
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		10.778.862.030	4.973.123.455
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.051.639.488	1.170.439.127
7. Chi phí tài chính	22	6.4	25.087.232	73.115.068
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	3.461.221.607	1.960.291.067
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	8.078.129.873	5.124.379.123
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		266.062.806	(1.014.222.676)
11. Thu nhập khác	31	6.6	-	62.752.956
12. Chi phí khác	32	6.6	193.633.676	797.689.701
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(193.633.676)	(734.936.745)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		72.429.130	(1.749.159.421)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		72.429.130	(1.749.159.421)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	7,44	(179,77)

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2023
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Người lập

Trưởng phòng Kế toán





Đỗ Thị Phương Mai

Vương Thị Tố Loan

Nguyễn Đức Nam


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		72.429.130	(1.749.159.421)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		2.916.865.936	3.316.285.496
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.034.832.465)	(1.218.561.573)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.954.462.601	348.564.502
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.060.994.703)	(2.313.186.444)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		1.833.389.412	(1.028.903.889)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(438.508.041)	251.654.416
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(39.938.080)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		1.803.292.800	3.180.191.233
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(5.786.797.000)	(4.674.023.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.695.154.931)	(4.275.641.462)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(653.714.919)	(277.317.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	62.752.956
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		6.000.000.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.034.832.465	1.155.808.617
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		6.381.117.546	941.244.573
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		3.685.962.615	(3.334.396.889)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.848.697.663	5.183.094.552
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	5.534.660.278	1.848.697.663

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2023
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Người lập

Trưởng phòng Kế toán





Đỗ Thị Phương Mai

Vương Thị Tố Loan

Nguyễn Đức Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước, đơn vị trực thuộc Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

Theo Quyết định số 808/QĐ-LĐTBXH ngày 29 tháng 6 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Công ty được chuyển đổi thành Công ty TNHH Một thành viên Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại. Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH Một thành viên theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100110415 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 29 tháng 11 năm 2010. Công ty được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 0100110415, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 10 tháng 11 năm 2020,

Vốn điều lệ của công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 02 ngày 01 tháng 11 năm 2020 là 97.299.300.000 đồng (*Bằng chữ: Chín mươi bảy tỷ, hai trăm chín mươi chín triệu, ba trăm ngàn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty đã bị hủy giao dịch trên sàn UpCOM với mã SON.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: International Manpower Supply And Trade Joint Stock Company.

Tên giao dịch viết tắt: SONA., JSC.

Trụ sở Công ty đặt tại: Số 34 Đại Cồ Việt, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Số Lao động của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 85 người, tại ngày 01/01/2022 là 89 người.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Dạy nghề: ngoại ngữ và giáo dục định hướng đối với người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài và theo nhu cầu xã hội;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay;
- Xuất nhập khẩu hàng hóa (trừ các loại Nhà nước cấm);

Hoạt động chính của Công ty trong năm: Cung ứng lao động xuất khẩu nước ngoài, dạy nghề, ngoại ngữ và giáo dục định hướng đối với người lao động trước khi đi làm việc ở nước ngoài.

1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4. Cấu trúc Doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Cung ứng Nhân lực Quốc tế và Thương mại, tại Số 10 Đường số 5, Khu dân cư Tấn Trường, Phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Trung tâm Đào tạo lao động Xuất khẩu Sona tại thôn Do Hạ, xã Tiền Phong, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của bộ Tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

4.2 Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam tại ngày 31/12/2022.

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại ngày 31/12/2022.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

4.3 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.4 Nguyên tắc ghi nhận tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn):

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

4.5 Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

4.6 Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4.7 Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

	<u>(Số năm)</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	15
Máy móc thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải	03 - 06

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

4.8 Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là chi phí đền bù giải phóng mặt bằng để có được quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện tại tài sản cố định vô hình của Công ty đang trích khấu hao 50 năm.

4.9 Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí công cụ dụng cụ Công ty ghi nhận theo giá gốc và phân bổ theo thời gian không quá 3 năm.

Chi phí môi giới tạo nguồn xuất khẩu lao động được ghi nhận theo thực tế phát sinh căn cứ vào chính sách của Công ty, được phân bổ vào chi phí kinh doanh hàng năm. Hiện tại khoản chi phí này Công ty chưa phân bổ vào chi phí trong năm.

4.10 Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

4.11 Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.12 Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

4.13 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Công ty chưa phản ánh chi phí lãi vay lũy kế đến 31/12/2022. Do hạn chế về mặt tài liệu, chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán cần thiết để xác định được chi phí lãi vay phát sinh lũy kế đến 31/12/2022.

4.14 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: phí môi giới xuất khẩu lao động; không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều năm.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

4.15 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

4.16 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (04) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định trong đối chắc chắn.

4.17 Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của dịch vụ trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

4.18 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

4.19 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo Pháp Luật về Thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.20 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

4.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	1.149.971.014	418.513.282
Tiền gửi ngân hàng	4.384.689.264	1.430.184.381
Tổng	5.534.660.278	1.848.697.663

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	14.000.000.000	14.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Tổng	14.000.000.000	14.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000

(*) Tiền gửi có kỳ hạn bao gồm các hợp đồng tiền gửi kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng, lãi suất tùy từng hợp đồng từ 4,8% đến 7%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.3 Các khoản phải thu khách hàng

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	12.963.854.779	12.243.061.408
Công ty TNHH Tân Nghệ An	5.231.489.365	5.231.489.365
Công ty Hongde (HK) IMP EXP LTD	1.497.864.130	1.497.864.130
Phải thu đối tượng khác	6.234.501.284	5.513.707.913
Tổng	12.963.854.779	12.243.061.408

5.4 Các khoản trả trước cho người bán

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty TNHH TM DV Đông Phương T.B	4.261.668.000	4.261.668.000
Công ty TNHH Chè Hoàng Mai	726.659.871	726.659.871
Công ty TNHH SX & TM Quốc tế Âu Lạc	1.207.777.404	1.207.777.404
Các đối tượng khác	1.295.576.163	1.957.591.632
Tổng	7.491.681.438	8.153.696.907

5.5 Các khoản phải thu khác

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Ngắn hạn	6.308.601.824	-	7.003.353.900	-
<i>Phải thu khác</i>	<i>2.998.791.824</i>	-	<i>4.016.319.300</i>	-
Lao động tại Libia	-	-	554.449.084	-
Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.822.141.473	-	2.822.141.473	-
Chi nhánh HCM	176.650.351	-	176.650.351	-
Các khoản phải thu khác	-	-	463.078.392	-
<i>Tạm ứng</i>	<i>3.309.810.000</i>	-	<i>2.987.034.600</i>	-
Dài hạn	2.010.000.000	-	1.000.000.000	-
<i>Ký cược, ký quỹ</i>	<i>2.010.000.000</i>	-	<i>1.000.000.000</i>	-
Tổng	8.318.601.824	-	8.003.353.900	-

5.6 Chi phí trả trước

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	6.175.918.719	6.175.918.719
Chi phí môi giới tạo nguồn	6.175.918.719	6.175.918.719
Dài hạn	1.438.812.447	1.000.304.406
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.438.812.447	1.000.304.406
Tổng	7.614.731.166	7.176.223.125

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.7 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2022	72.178.705.341	16.216.859.120	5.304.490.546	93.700.055.007
Tăng trong năm	653.714.919	-	-	653.714.919
Mua trong năm	48.338.000	-	-	48.338.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	605.376.919			605.376.919
Giảm trong năm	-	(1.303.331.182)	-	(1.303.331.182)
Thanh lý	-	(1.303.331.182)	-	(1.303.331.182)
Số dư tại 31/12/2022	72.832.420.260	14.913.527.938	5.304.490.546	93.050.438.744
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2022	20.002.362.035	11.963.738.194	5.000.373.323	36.966.473.552
Tăng trong năm	1.640.078.028	879.438.182	214.418.174	2.733.934.384
Khấu hao trong năm	1.640.078.028	879.438.182	214.418.174	2.733.934.384
Giảm trong năm	-	(1.143.911.410)	-	(1.143.911.410)
Thanh Lý	-	(1.143.911.410)	-	(1.143.911.410)
Số dư tại 31/12/2022	21.642.440.063	11.699.264.966	5.214.791.497	38.556.496.526
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số dư tại 01/01/2022	52.176.343.306	4.253.120.926	304.117.223	56.733.581.455
Số dư tại 31/12/2022	51.189.980.197	3.214.262.972	89.699.049	54.493.942.218

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 8.183.665.454 đồng, tại ngày 31/12/2021 là 5.031.591.682 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.8 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2022	9.146.577.712	9.146.577.712
Số dư tại 31/12/2022	<u>9.146.577.712</u>	<u>9.146.577.712</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2022	1.337.301.927	1.337.301.927
Tăng trong năm	182.931.552	182.931.552
Khấu hao trong năm	182.931.552	182.931.552
Số dư tại 31/12/2022	<u>1.520.233.479</u>	<u>1.520.233.479</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư tại 01/01/2022	7.809.275.785	7.809.275.785
Số dư tại 31/12/2022	<u>7.626.344.233</u>	<u>7.626.344.233</u>

5.9 Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Chi phí xây dựng cơ bản		
Trụ sở làm việc Công ty	5.787.494.553	5.787.494.553
Tổng	<u>5.787.494.553</u>	<u>5.787.494.553</u>

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là khoản chi phí san lấp mặt bằng thừa đất tại Lô E2, Khu đô thị mới quận Cầu Giấy Hà Nội để làm Văn phòng làm việc, hiện nay đang xúc tiến hợp tác đầu tư xây dựng tòa nhà hỗn hợp Văn phòng và trung tâm thương mại.

5.10 Phải trả người bán

	31/12/2022 (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	2.372.797.924	2.372.797.924	2.366.278.924	2.366.278.924
Nhiệm đoàn Eco Lead	-	-	70.500.000	70.500.000
Nhiệm đoàn CC Trading	317.306.000	317.306.000	-	-
Nhiệm đoàn Osaka	22.780.000	22.780.000	204.750.000	204.750.000
Các đối tượng khác	2.032.711.924	2.032.711.924	2.091.028.924	2.091.028.924
Tổng	<u>2.372.797.924</u>	<u>2.372.797.924</u>	<u>2.366.278.924</u>	<u>2.366.278.924</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2022 (VND)	Số phải nộp trong năm (VND)	Số đã nộp trong năm (VND)	31/12/2022 (VND)
Phải nộp	220.523.348	1.690.450.344	1.486.402.122	424.571.570
Thuế thu nhập cá nhân	220.523.348	145.000.503	326.778.018	38.745.833
Thuế nhà đất, tiền thuê	-	1.511.235.937	1.125.410.200	385.825.737
Thuế môn bài	-	-	-	-
Thuế, Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	34.213.904	34.213.904	-

5.12 Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Ngắn hạn	4.005.294.000	238.870.000
Doanh thu nhận trước về xuất khẩu lao động	4.005.294.000	238.870.000
Tổng	4.005.294.000	238.870.000

5.13 Các khoản phải trả phải nộp khác

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Ngắn hạn	941.702.639	1.932.738.390
Bảo hiểm xã hội	25.217.639	-
Phải trả, phải nộp khác	916.485.000	1.932.738.390
<i>Đoàn LĐ thuyền viên tại Hàn Quốc</i>	<i>896.415.000</i>	<i>896.415.000</i>
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	<i>20.070.000</i>	<i>1.036.323.390</i>
Dài hạn	14.398.251.895	21.921.200.055
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	14.398.251.895	21.921.200.055
Tổng	15.339.954.534	23.853.938.445

CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG NHÂN LỰC QUỐC TẾ VÀ THƯƠNG MẠI
Số 34 Đại Cồ Việt, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.14 Vay và thuê tài chính

	31/12/2022 (VND)		Phát sinh trong năm (VND)		01/01/2022 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	23.958.914.690	23.958.914.690	-	-	23.958.914.690	23.958.914.690
<i>Vay ngắn hạn VND</i>	19.617.000.000	19.617.000.000	-	-	19.617.000.000	19.617.000.000
Ngân hàng NN & PTNT Chi nhánh Bách Khoa (1)	2.034.500.000	2.034.500.000	-	-	2.034.500.000	2.034.500.000
Ngân hàng NN & PTNT Chi nhánh Hà Thành (2)	17.582.500.000	17.582.500.000	-	-	17.582.500.000	17.582.500.000
<i>Vay ngắn hạn USD</i>	4.341.914.690	4.341.914.690	-	-	4.341.914.690	4.341.914.690
Ngân hàng NN & PTNT Chi nhánh Bách Khoa (1)	3.470.940.000	3.470.940.000	-	-	3.470.940.000	3.470.940.000
Ngân hàng NN & PTNT Chi nhánh Trảng An (3)	870.974.690	870.974.690	-	-	870.974.690	870.974.690
Tổng	23.958.914.690	23.958.914.690	-	-	23.958.914.690	23.958.914.690

- (1) **Ngân hàng NN & PTNT Bách khoa:** Theo hợp đồng hạn mức tín dụng năm 2009 của Công ty số 1401LAV200900653 ngày 10/7/2009: Lãi suất 10,5%/năm cho khoản vay bằng VND, và 3% cho khoản vay USD, thời hạn vay 01 năm.
- (2) **Ngân hàng NN & PTNT Hà Thành:** Theo Hợp đồng vay số: Theo Hợp đồng tín dụng số 1303-LAV-20100024/HĐTD ngày 9/6/2010. Lãi suất vay 14%/năm, thời hạn 01 năm.
- (3) **Ngân hàng NN & PTNT Trảng An:** Theo Hợp đồng tín dụng số 154/HĐTD ngày 10/5/2010, lãi suất vay 14,5%/ năm, thời hạn 01 năm.
- Tất cả các hợp đồng vay này đến nay đã quá hạn, do Công ty không trả nợ gốc nên Ngân hàng không làm phụ lục gia hạn hợp đồng vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.15 Vốn chủ sở hữu

a. Biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2021	97.299.300.000	1.245	(17.524.830.370)	79.774.470.875
Giảm trong năm	-	-	(1.789.097.501)	(1.789.097.501)
Lỗi trong năm trước	-	-	(1.749.159.421)	(1.749.159.421)
Thuế TNDN theo Quyết định truy thu thuế của Cục thuế Hà Nội	-	-	(39.938.080)	(39.938.080)
Số dư tại 31/12/2021	97.299.300.000	1.245	(19.313.927.871)	77.985.373.374
Số dư tại 01/01/2022	97.299.300.000	1.245	(19.313.927.871)	77.985.373.374
Tăng trong năm	-	-	72.429.130	72.429.130
Lãi trong năm nay	-	-	72.429.130	72.429.130
Số dư tại 31/12/2022	97.299.300.000	1.245	(19.241.498.741)	78.057.802.504

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước - Công ty TNHH	95.658.300.000	95.658.300.000
Cổ đông khác	1.641.000.000	1.641.000.000
Tổng	97.299.300.000	97.299.300.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức chia lợi nhuận

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	97.299.300.000	97.299.300.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	97.299.300.000	97.299.300.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

5.15 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

d. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức chia lợi nhuận

	31/12/2022	01/01/2022
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.729.930	9.729.930
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.729.930	9.729.930
Cổ phiếu phổ thông	9.729.930	9.729.930
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.729.930	9.729.930
Cổ phiếu phổ thông	9.729.930	9.729.930
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	24.012.259.224	14.968.292.640
Tổng	24.012.259.224	14.968.292.640

6.2 Giá vốn dịch vụ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	13.233.397.194	9.995.169.185
Tổng	13.233.397.194	9.995.169.185

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.034.832.465	778.255.456
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	16.807.023	267.000.945
Tổng	1.051.639.488	1.170.439.127

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	25.087.232	73.115.068
Tổng	25.087.232	73.115.068

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6.5 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí bán hàng	3.461.221.607	1.960.291.067
Chi phí nhân viên	3.156.234.173	1.960.291.067
Thuế phí và lệ phí	4.476.441	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	165.163.807	-
Chi phí bằng tiền khác	135.347.186	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	8.078.129.873	5.124.379.123
Chi phí nhân viên quản lý	3.972.486.797	3.294.281.962
Chi phí đồ dùng văn phòng	28.351.649	10.899.500
Thuế phí và lệ phí	1.152.433.262	114.879.649
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.401.006.093	1.535.279.111
Chi phí bằng tiền khác	523.852.072	169.038.901
Tổng	11.539.351.480	7.084.670.190

6.6 Thu nhập khác/ Chi phí khác

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Thu nhập khác	-	62.752.956
Thanh lý tài sản	-	62.752.956
Chi phí khác	193.633.676	797.689.701
Giá trị còn lại của tài sản	159.419.772	-
Chi phí phạt thuế truy thu thuế theo Biên bản thanh tra của Cục thuế Hà Nội	34.213.904	771.407.676
Chi phí khác	-	26.282.025
Tổng	193.633.676	797.689.701
Thu nhập khác thuần/chi phí khác (thuần)	(193.633.676)	(734.936.745)

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	72.429.130	(1.749.159.421)
Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế		
Các khoản phạt vi phạm về thuế	34.213.904	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	106.643.034	-
Chuyển lỗ năm trước vào thu nhập chịu thuế năm nay	(106.643.034)	-
Thu nhập tính thuế TNDN	-	-
Thuế suất Thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN năm hiện hành	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	72.429.130	(1.749.159.421)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	72.429.130	(1.749.159.421)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	9.729.930	9.729.930
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	7,44	(179,77)

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.412.724.282	767.702.933
Chi phí nhân công	12.531.794.262	10.307.849.143
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.916.865.936	3.316.285.496
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.343.999.286	2.453.594.903
Chi phí khác bằng tiền	2.570.364.908	414.189.537
Tổng	24.775.748.674	17.259.622.012

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin cổ phiếu ngừng Giao dịch

Ngày 06/04/2022, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội thông báo số 1299/TB-SGDHN về việc Cổ phiếu SON của Công ty Cổ phần Cung ứng Nhân lực Quốc tế và thương mại rơi vào diện hủy đăng ký giao dịch (ĐKGD) trên hệ thống giao dịch Upcom từ ngày 12 tháng 4 năm 2022. Theo quy định tại khoản 8 Điều 310 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của chính phủ, Công ty bị hủy đăng ký giao dịch vì sau 01 năm kể từ ngày giao dịch đầu tiên vẫn chưa đáp ứng đủ điều kiện là Công ty đại chúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán và chưa được UBCKNN xác nhận hoàn tất đăng ký công ty đại chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

7.2 Giao dịch liên quan

Giao dịch với các nhân sự chủ chốt và cổ đông

	Mối quan hệ	Tính chất Giao dịch	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Hội đồng Quản trị				
Ông Nguyễn Đức Nam	Chủ tịch HĐQT	Lương và thù lao	225.114.051	158.153.579
Nguyễn Thị Quỳnh Nga	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	Lương và thù lao	216.769.534	148.686.532
Đình Tất Lợi	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	Lương và thù lao	195.893.610	133.939.485
Ban Kiểm soát				
Bà Lê Thị Hà	Trưởng ban	Lương và thù lao	107.720.762	78.608.584
Bà Phùng Hiền Ninh	Thành viên	Lương và thù lao	91.126.049	64.939.806
Kế toán trưởng				
Bà Vương Thị Tố Loan	Trưởng phòng tài chính kế toán	Lương, các khoản khác	103.330.034	74.928.986
Tổng			939.954.040	659.256.972

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM, thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập



Đỗ Thị Phương Mai

Trưởng phòng Kế toán



Vương Thị Tố Loan

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2023

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Nguyễn Đức Nam